

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 23/09/2020

Tổng quan thị trường

	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	912,50	132,64
Thay đổi (%)	0,70%	0,34%
KLGD (triệu CP)	392,51	59,39
GTGD (tỷ VNĐ)	6.483,86	772,34
Số CP tăng giá	250	83
Số Cp đứng giá	78	207
Số Cp giảm giá	159	64

Chỉ số tài chính

	HSX	HNX
PB (lần)	2,03	1,14
PE (lần)	15,08	10,57
Hệ số Beta	1,00	0,81
ROE (%)	16,41%	14,43%
ROA (%)	6,72%	4,83%

Giao dịch thỏa thuận

	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	33,66	09,03
GTGD (tỷ VNĐ)	593,98	173,79

Giao dịch NĐT NN

	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	616,71	02,30
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	492,04	11,41
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	124,67	09,11
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	115,56	

Chỉ số HDTL

	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	858,30	05,58
VN30F2009	854,10	04,10
VN30F2010	851,70	05,20
VN30F2012	850,00	04,30
VN30F2103	846,00	03,00

Thị trường thế giới

	Đóng cửa	(%)
DJI *	27.288,18	0,52%
S&P 500 *	3.315,57	1,05%
DAX *	12.594,39	0,41%
FTSE 100 *	5.829,46	0,43%
Nikkei 225	23.346,49	0,06%
Hang Seng	23.742,51	0,11%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

SỰ HẬU THUẦN CỦA DÒNG TIỀN NƯỚC NGOÀI GIÚP VNINDEX CHINH PHỤC NHỮNG CỘT MỐC MỚI

Diễn biến thị trường:

Sự phục hồi của chứng khoán Mỹ và châu Âu vào đêm hôm qua đã ảnh hưởng tích cực đến tâm lý các nhà đầu tư trong nước. Ngay đầu phiên sáng, lực mua ồ ạt xuất hiện trên nhiều cổ phiếu lớn kéo chỉ số VN-Index đạt mức tăng trên 5 điểm. Dòng tiền sau đó duy trì khá ổn định, khiến thị trường không có nhiều biến động trong thời gian còn lại của phiên. Đóng cửa ngày 23/09, VN-Index tạm dừng chân ở mức 912 điểm, tăng 0,70% so với ngày hôm qua. Bộ ba cổ phiếu vốn hóa lớn nhất ngành ngân hàng gồm VCB, BID, CTG là những cái tên đóng góp nhiều nhất đà tăng của thị trường phiên hôm nay với cùng mức tăng 1,7%.

Trên sàn HSX có 250 cổ phiếu đóng cửa trong sắc xanh trong khi chỉ có 161 mã giảm điểm, điều này cho thấy đà tăng đã lan tỏa ra toàn thị trường trong phiên giao dịch ngày hôm nay. Nhóm ngân hàng sau 2 phiên giao dịch bùng nổ thì đã có phần hạ nhiệt, thậm chí sắc đỏ còn hiện diện trên một số cổ phiếu như NVB (-2,3%), TPB (-0,8%), TCB (-0,2%). Nhóm cổ phiếu đầu khí dù không có thông tin hỗ trợ của giá đầu thế giới nhưng vẫn đạt mức tăng khá, điển hình như PVT (+2,8%), OIL (+2,5%), PLX (+2,4%). Những nhóm ngành khác như chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản thì nhìn chung đều có mức tăng nhẹ và phân hóa trên từng cổ phiếu.

Giá trị giao dịch trên sàn HSX ngày hôm nay đạt 6.483,86 tỷ, giảm nhẹ 3,9% so với ngày qua hôm qua. Mặc dù vậy, đây vẫn là một mức thanh khoản tương đối khá, cho thấy dòng tiền trên thị trường vẫn đang vận động tương đối ổn định. Về phía giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài, họ đã nâng chuỗi ngày mua ròng của mình lên con số 3 sau phiên giao dịch ngày hôm nay. Giá trị mua ròng trên cả 2 sàn đạt 115,56 tỷ, trong đó tập trung vào các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ như VRE (+54,0 tỷ), VCB (33,5 tỷ), FUEVFVND (31,1 tỷ).

Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai đồng loạt đóng cửa với mức tăng nhẹ. Cụ thể, hợp đồng VN30F2010 tăng 4,1 điểm, VN30F2011 tăng 5,2 điểm, VN30F2012 tăng 4,3 điểm và VN30F2103 tăng 3,0 điểm.

Diễn biến CP CSI:

Diễn biến cổ phiếu CSI: Trong phiên hôm nay bên bán và bên mua vẫn chưa đạt được mức giá chung, khiến cho cổ phiếu CSI không xuất hiện giao dịch nào. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 14.000 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Với sự hậu thuẫn của dòng tiền nhà đầu tư nước ngoài, VN-Index đang dần chinh phục những cột mốc điểm số mới. Mặc dù vậy, khi thị trường càng nên cao thì đồng nghĩa với rủi ro sẽ càng gia tăng cho những vị thế mua mới do áp lực chốt lời của những nhà đầu tư đang nắm giữ cổ phiếu ngày càng lớn. Chúng tôi cho rằng trong trường hợp tích cực chỉ số VN-Index tiến đến ngưỡng kháng cự (925 – 930), đây là một mốc mà nhà đầu tư có thể cân nhắc giảm bớt tỷ trọng cổ phiếu để hiện thực hóa lợi nhuận của mình. Vì vậy, kiên nhẫn nắm giữ danh mục và chuẩn bị tinh thần cần bán chốt lời khi thị trường chạm đến ngưỡng kháng cự là quan điểm của chúng tôi trong giai đoạn hiện nay.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TÍCH CỰC	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TÍCH CỰC	MA18	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TÍCH CỰC	MA65	TÍCH CỰC
Trend Ngắn hạn	TÍCH CỰC	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

Kết luận: Sau phiên giảm nhẹ do ảnh hưởng tâm lý từ sự giảm điểm của thị trường thế giới, thì hôm nay chứng trường Việt đã vươn vai trở lại, lấy lại xu hướng tăng. Đà tăng lan rộng ra nhiều nhóm ngành và duy trì tích cực trong suốt phiên, giúp chỉ số Vn-index chinh phục mốc 910 điểm.

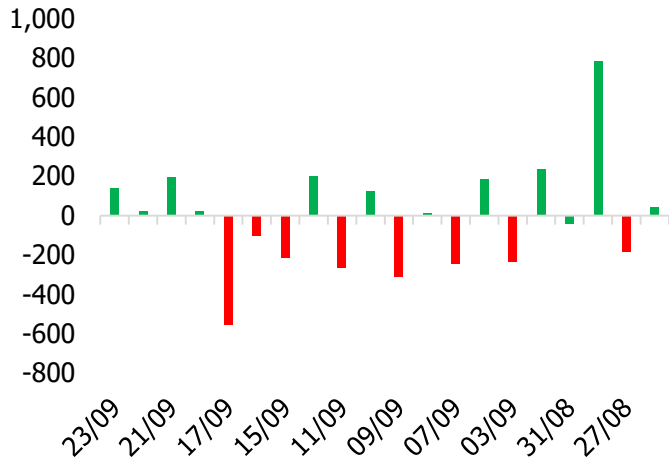
Phiên tăng hôm nay đã củng cố thêm kỳ vọng của chúng tôi về xu hướng trong ngắn hạn của chỉ số Vn-index. Tiếp tục hướng đến ngưỡng kháng cự mạnh mục tiêu (925 – 930) điểm. Vì vậy, kiên nhẫn nắm giữ danh mục và chuẩn bị tinh thần cần bán chốt lời khi thị trường chạm đến ngưỡng kháng cự là quan điểm của chúng tôi trong giai đoạn hiện nay.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

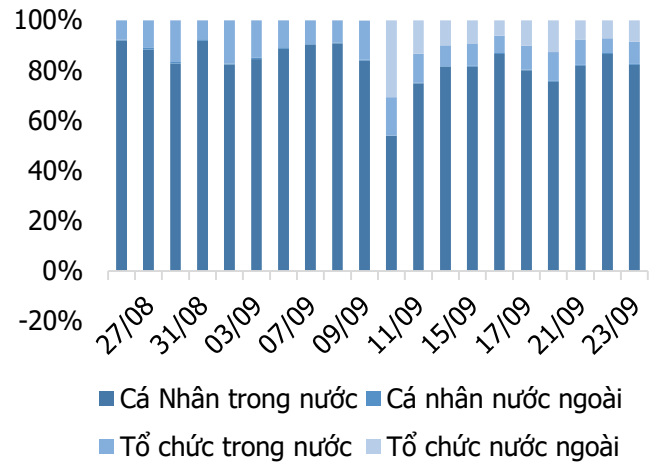
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch ròng của nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



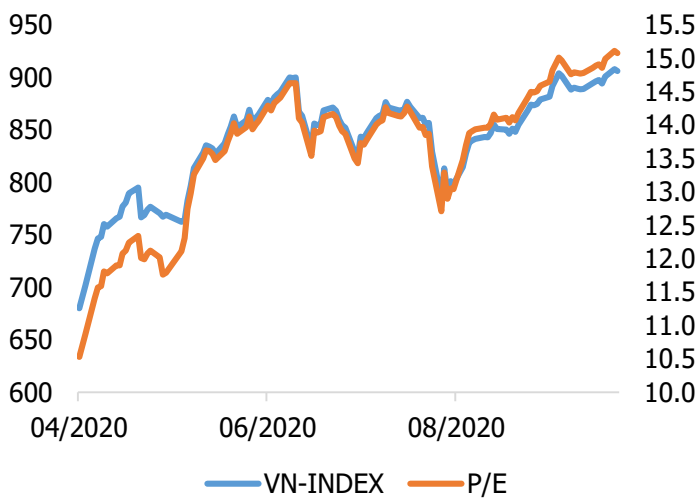
Giá trị Giao dịch theo NĐT-Ngày



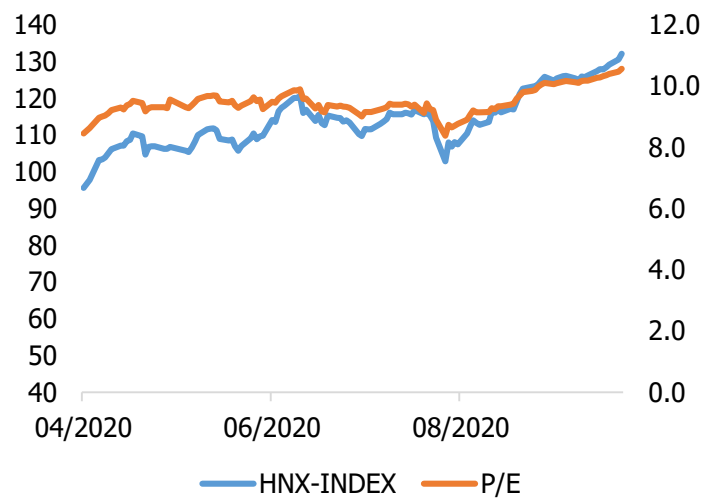
Vn-indexen – P/E lịch sử

Hn-index – P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



HNXIndex - P/E lịch sử



TOP MUA TỰ DOANH

Top mua		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
HPG	25,800	56,079.06
VCB	85,400	20,602.74
STB	12,650	20,340.80
TCB	22,300	18,050.23
FPT	51,100	13,372.49

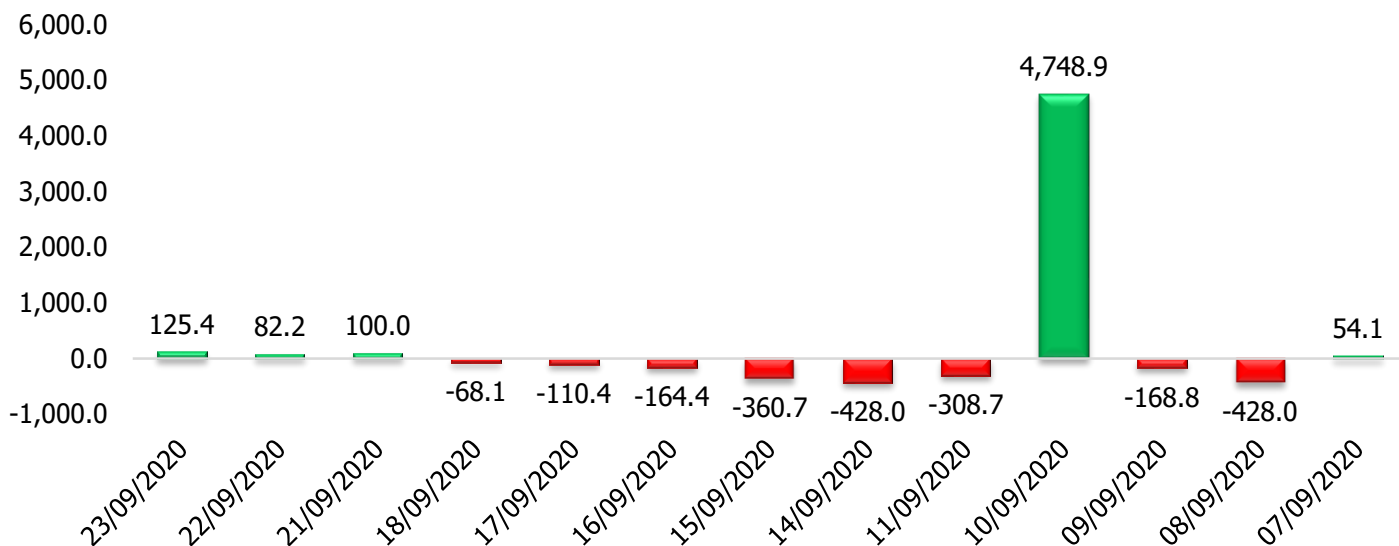
TOP BÁN TỰ DOANH

Top bán		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
FUEVFVND	13,400	30,910.92
FUESSVFL	10,190	25,232.78
STB	12,650	4,184.66
VPB	23,800	3,750.54
MWG	101,900	3,368.37

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

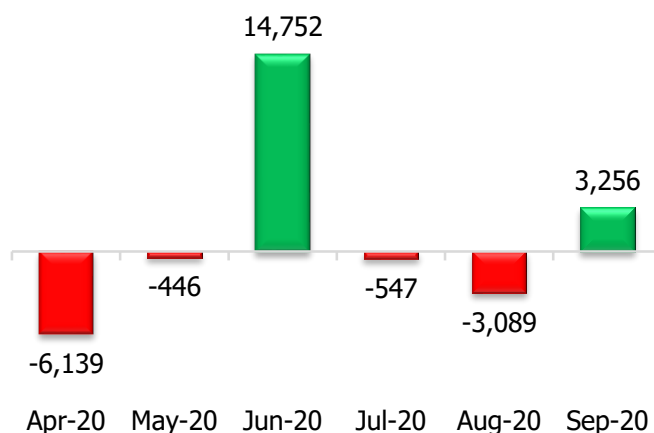
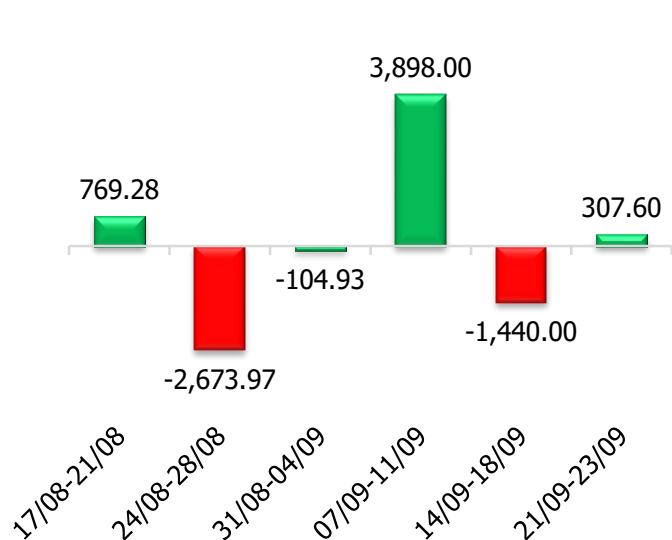
GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tuần gần nhất (tỷ VNĐ)

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

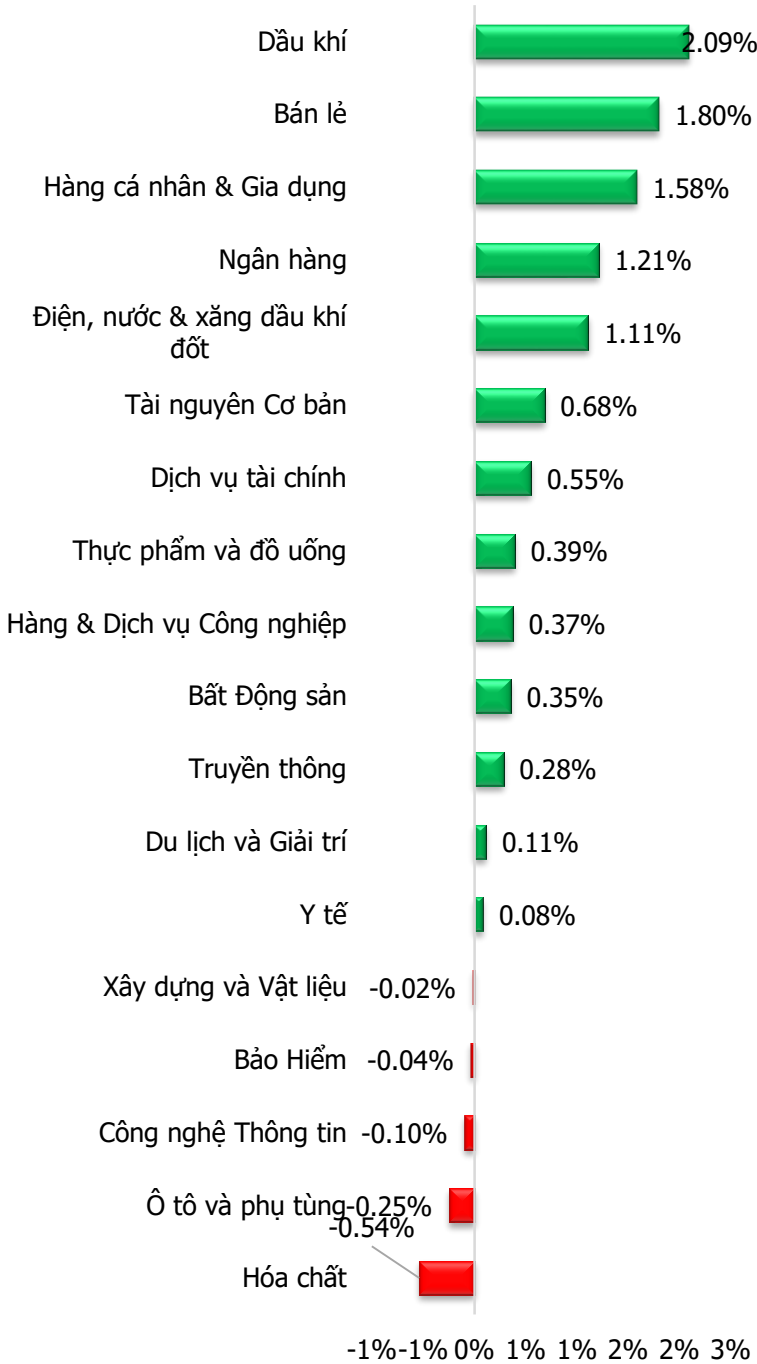
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VRE	53.89	VHM	22.11
VCB	33.53	KBC	20.75
FUEVFNVD	30.91	VND	18.22
FUESSVFL	28.23	DXG	10.54
SSI	27.47	VNM	10.05

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

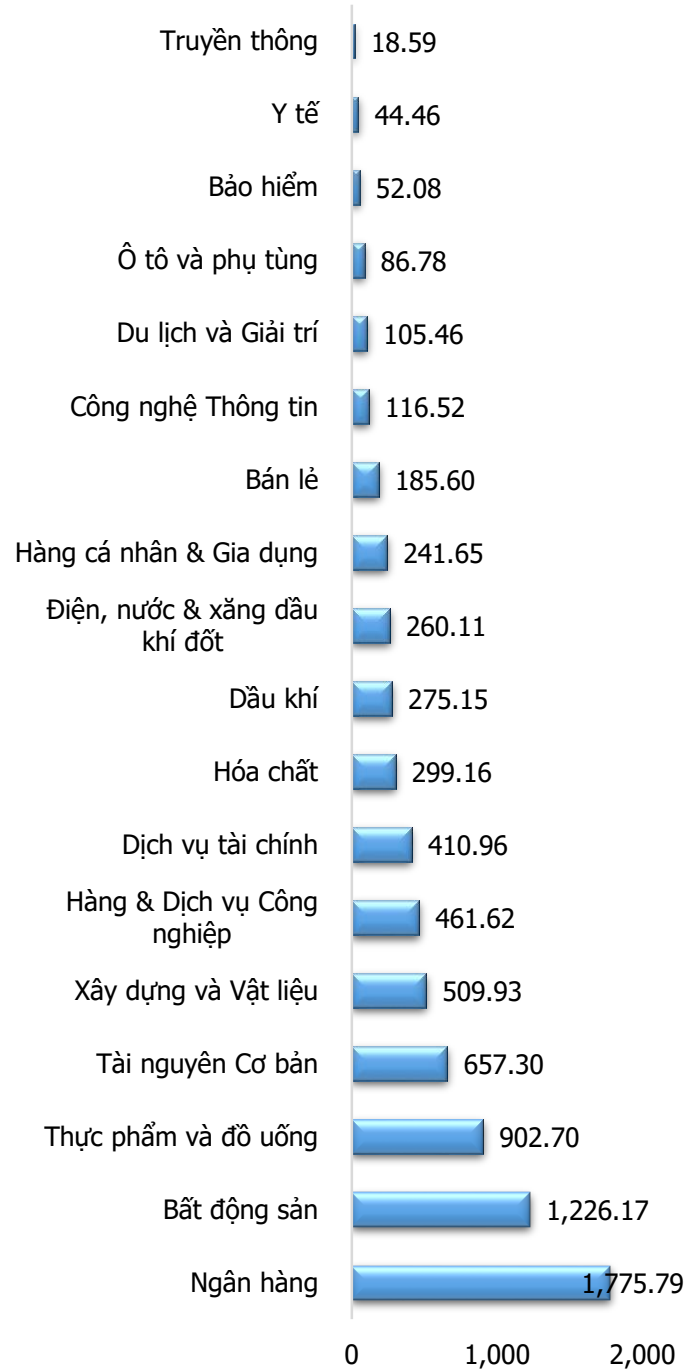
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
TIG	0.52	VCS	4.78
PVS	0.37	TNG	2.68
MST	0.19	DXP	1.13
SHE	0.15	SHB	0.96
NTP	0.11	SRA	0.21

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	CTR	44.2	49.1	40.3	45.00	43.80					Chờ khớp
	VGI	27.8	30.8	25.3	27.80	27.50					Chờ khớp
Danh Mục Đang Giữ	GMD	23.9	26.5	21.8	23.70	23.70		9/21/2020		0.0%	Nắm giữ
	LIX	58.3	64.6	53.1	57.50	57.70		9/17/2020		-0.3%	Nắm giữ
	EVF	7.1	7.8	6.4	7.30	7.00		9/17/2020		4.3%	Nắm giữ
	VEA	45.0	50.0	41.0	44.00	44.60		9/17/2020		-1.3%	Nắm giữ
	TRA	57.6	63.8	52.4	56.90	57.00		9/16/2020		-0.2%	Nắm giữ
	SLS	76.1	84.3	69.3	74.00	75.30		9/15/2020		-1.7%	Nắm giữ
	PPC	24.3	27.0	22.2	23.90	24.10		9/11/2020		-0.8%	Nắm giữ
	PXS	5.2	5.7	4.7	5.60	5.10		9/11/2020		9.8%	Nắm giữ
	DHA	38.9	43.1	35.4	39.20	38.50		9/10/2020		1.8%	Nắm giữ
	DMC	56.4	62.5	51.3	60.80	55.80		9/9/2020		9.0%	Nắm giữ
	STK	15.4	17.0	14.0	15.55	15.20		9/9/2020		2.3%	Nắm giữ
	ANV	17.8	19.7	16.2	19.25	17.60		9/8/2020		9.4%	Nắm giữ
	CSC	23.7	26.3	21.6	23.40	23.50		9/7/2020		-0.4%	Nắm giữ
	VCS	66.7	73.9	60.7	66.70	66.00		9/7/2020		1.1%	Nắm giữ
	VRE	28.1	31.1	25.6	29.10	27.80		9/4/2020		4.7%	Nắm giữ
	INN	26.8	29.7	24.4	29.30	26.50		9/4/2020		10.6%	Nắm giữ
	TNG	12.3	13.7	11.2	13.30	12.20		9/4/2020		9.0%	Nắm giữ
	APC	20.5	22.7	18.7	21.30	20.30		9/1/2020		4.9%	Nắm giữ
	EIB	17.4	19.3	15.8	17.10	17.20		8/31/2020		-0.6%	Nắm giữ
	TLG	36.6	40.5	33.3	35.00	36.20		8/31/2020		-3.3%	Nắm giữ
	DIG	13.2	14.6	12.0	14.45	13.05		8/27/2020		10.7%	Nắm giữ
	PVC	5.8	6.4	5.2	6.00	5.70		8/27/2020		5.3%	Nắm giữ
	CEO	7.4	8.2	6.7	7.30	7.30		8/26/2020		0.0%	Nắm giữ
	MPC	27.5	30.5	25.0	31.50	27.20		7/26/2020		15.8%	Nắm giữ
	TCT	25.7	28.4	23.4	28.65	25.40		8/26/2020		12.8%	Nắm giữ
	CII	18.4	20.4	16.7	18.40	18.20		8/25/2020		1.1%	Nắm giữ
	GTN	24.1	26.8	22.0	26.20	23.90		8/25/2020		9.6%	Nắm giữ
	POW	10.2	11.3	9.3	10.40	10.10		8/20/2020		3.0%	Nắm giữ
	SHS	11.0	12.2	10.0	12.10	10.90		8/20/2020		11.0%	Nắm giữ
	HT1	14.0	15.6	12.8	16.00	13.90		8/17/2020		15.1%	Nắm giữ
	IMP	45.3	50.3	41.3	48.40	44.90		8/17/2020		7.8%	Nắm giữ
	CAP	30.4	33.7	27.7	34.50	30.10		8/14/2020		14.6%	Nắm giữ
	DCM	8.6	9.5	7.8	10.20	8.50		8/14/2020		20.0%	Nắm giữ
	G36	5.2	5.7	4.7	5.80	5.10		8/14/2020		13.7%	Nắm giữ
	HAH	11.5	12.8	10.5	13.30	11.40		8/14/2020		16.7%	Nắm giữ
	REE	35.1	39.0	32.0	40.05	34.80		8/14/2020		15.1%	Cần bán
	HCM	17.8	19.7	16.2	20.70	17.60		8/12/2020		17.6%	Nắm giữ
THG	50.1	55.6	45.6	53.00	49.60		8/11/2020		8.9%	Nắm giữ	
BMI	21.6	24.0	19.7	25.50	21.40		8/7/2020		19.2%	Nắm giữ	
C32	24.0	26.7	21.9	25.50	23.80		8/7/2020		13.8%	Nắm giữ	
D2D	56.1	62.2	51.1	68.70	55.50		8/6/2020		26.6%	Nắm giữ	
NVL	65.1	72.2	59.3	63.60	64.50		8/3/2020		-1.4%	Nắm giữ	
SCS	111.1	123.2	101.2	123.50	110.00		7/29/2020		12.3%	Nắm giữ	
TRC	31.2	34.6	28.4	34.80	30.90		7/8/2020		12.6%	Nắm giữ	
DHC	37.5	41.6	34.1	44.50	37.10		7/3/2020		19.9%	Nắm giữ	
Danh Mục Đã Bán	SZL	41.6	46.1	37.9	52.50	41.20	53.50	7/29/2020	9/1/2020	29.9%	Đã bán
	CDC	23.1	25.6	21.1	28.80	22.90	28.80	8/5/2020	9/3/2020	25.8%	Đã bán
	L14	55.6	61.6	50.6	51.20	55.00	50.80	7/29/2020	9/1/2020	22.7%	Đã bán
	UDC	5.1	5.6	4.6	5.87	5.00	6.10	8/21/2020	9/1/2020	22.0%	Đã bán



DPM	14.3	15.8	13.0	16.40	14.15	16.60	8/14/2020	9/22/2020	17.3%	Đã bán
NT2	22.1	24.5	20.1	23.50	21.90	23.50	6/23/2020	9/21/2020	17.2%	Đã bán
GEX	22.0	24.4	20.1	25.25	21.80	25.50	8/26/2020	9/14/2020	17.0%	Đã bán
VSC	30.8	34.2	28.1	34.00	30.50	35.00	7/31/2020	9/1/2020	14.8%	Đã bán
DGW	42.4	47.0	38.6	45.80	42.00	48.00	8/6/2020	9/1/2020	14.3%	Đã bán
TPB	20.6	22.8	18.8	22.80	20.40	23.00	7/29/2020	9/8/2020	12.7%	Đã bán
HDC	17.4	19.3	15.8	17.80	17.20	18.00	8/14/2020	9/1/2020	4.7%	Đã bán
DRH	7.4	8.2	6.7	7.30	7.31	7.40	9/9/2020	9/23/2020	1.2%	Đã bán
TDN	7.1	7.8	6.4	6.70	7.00	6.90	8/28/2020	9/1/2020	-1.4%	Đã bán
PVS	12.8	14.2	11.7	12.50	12.70	12.50	8/27/2020	9/8/2020	-1.6%	Đã bán
MSN	56.1	62.2	51.1	54.00	55.50	54.50	9/7/2020	9/18/2020	-1.8%	Đã bán
ICT	21.1	23.4	19.2	20.20	20.90	20.50	8/20/2020	9/8/2020	-1.9%	Đã bán
VGC	22.7	25.2	20.7	21.70	22.50	22.00	9/4/2020	9/10/2020	-2.2%	Đã bán
DLG	1.4	1.5	1.3	1.33	1.38	1.35	8/11/2020	9/3/2020	-2.2%	Đã bán
CTD	81.8	90.7	74.5	74.30	81.00	73.10	8/26/2020	9/8/2020	-4.7%	Đã bán
DST	7.3	8.1	6.6	6.80	7.20	6.60	8/17/2020	8/25/2020	-8.3%	Đã bán
LHG	20.2	22.4	18.4	24.35	20.00	25.10	8/6/2020	8/21/2020	25.5%	Đã bán
KSB	22.3	24.8	20.3	26.50	22.10	27.70	8/5/2020	8/21/2020	25.3%	Đã bán
SZC	23.0	25.5	21.0	26.50	22.80	27.00	7/29/2020	8/12/2020	18.4%	Đã bán
DVN	10.9	12.1	9.9	11.50	10.80	11.60	7/3/2020	7/21/2020	7.4%	Đã bán
KDH	23.6	26.2	21.5	22.85	23.40	23.50	7/29/2020	8/3/2020	0.4%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
GTA	12,300	800	6.96%	580
PTC	9,090	590	6.94%	180
FUCVREIT	5,560	360	6.92%	1,060
SGT	5,570	360	6.91%	110
PTL	5,450	350	6.86%	29,370

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ACM	800	100	14.29%	78,620
L35	6,600	600	10.00%	100
CAN	28,700	2,600	9.96%	100
TST	10,000	900	9.89%	15,400
VBC	19,100	1,700	9.77%	100

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
RIC	4,570	-340	-6.92%	270
TTA	22,050	-1,650	-6.96%	388,160
DTT	8,930	-670	-6.98%	10
HRC	49,300	-3,700	-6.98%	430
KPF	13,950	-1,050	-7.00%	1,080

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TTL	7,000	-700	-9.09%	2,600
TFC	5,700	-600	-9.52%	600
VGP	22,100	-2,400	-9.80%	2,546
GLT	25,400	-2,800	-9.93%	600
CKV	11,700	-1,300	-10.00%	300

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	12,650	100	0.80%	24,791,380
HBC	11,150	700	6.70%	14,065,680
ITA	4,640	160	3.57%	13,168,190
POW	10,400	400	4.00%	12,209,340
FLC	3,150	100	3.28%	9,565,100

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	13,600	100	0.74%	9,345,339
ACB	22,500	200	0.90%	6,511,427
KLF	1,700	100	6.25%	1,924,623
SRA	15,100	1,000	7.09%	961,160
TVC	8,700	200	2.35%	960,373

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	12,650	100	0.80%	24,791,380
HBC	11,150	700	6.70%	14,065,680
ITA	4,640	160	3.57%	13,168,190
HPG	25,800	250	0.98%	12,589,480
POW	10,400	400	4.00%	12,209,340

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	13,600	100	0.74%	9,345,339
ACB	22,500	200	0.90%	6,511,427
SHB	15,500	100	0.65%	3,871,713
SHS	12,100	100	0.83%	3,087,684
NVB	8,600	-200	-2.27%	2,976,960

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	163,696	19,019	2,142	0.7%	16.2%	19.00	2.14	1,260,910	41,400	5.24%
2	TCH	7,436	13,722	2,186	7.8%	8.7%	9.63	1.53	2,712,109	20,900	-8.48%
3	CTG	96,064	21,608	2,995	0.7%	11.9%	8.61	1.19	5,893,728	26,250	22.27%
4	KDH	13,830	13,681	1,950	5.5%	8.5%	12.69	1.81	1,118,987	24,550	5.69%
5	PLX	61,428	16,335	938	5.8%	16.2%	53.75	3.09	1,267,069	51,600	-11.59%
6	EIB	20,962	13,145	567	0.9%	8.6%	30.09	1.30	3,715,146	17,100	1.49%
7	FPT	40,214	19,083	4,278	11.7%	23.0%	11.99	2.69	2,157,490	51,100	5.47%
8	GAS	137,613	27,378	5,223	17.5%	25.7%	13.76	2.63	704,973	72,700	-26.63%
9	POW	23,419	11,979	925	4.1%	9.5%	10.81	0.83	4,951,132	10,400	-20.32%
10	HDB	29,847	21,599	4,233	1.4%	18.6%	7.30	1.43	1,396,557	31,050	17.27%
11	HPG	84,654	15,817	2,626	16.4%	26.8%	9.73	1.62	12,003,376	25,800	37.88%
12	MBB	46,299	18,156	3,435	1.4%	14.9%	5.59	1.06	6,282,156	19,200	-12.93%
13	MSN	63,785	19,750	3,243	8.9%	26.1%	16.74	2.75	2,272,596	55,400	-32.29%
14	MWG	45,087	31,510	8,356	12.2%	41.3%	11.92	3.16	1,285,487	101,900	-21.26%
15	NVL	61,951	23,672	3,999	3.7%	13.6%	15.95	2.70	1,946,731	63,600	3.57%
16	PNJ	13,710	20,883	4,610	18.8%	28.3%	13.21	2.92	910,649	63,400	-25.75%
17	REE	12,526	33,877	4,779	11.6%	19.1%	8.45	1.19	673,709	40,050	9.25%
18	ROS	1,198	10,380	-72	7.6%	14.0%	-29.37	0.20	14,337,474	2,130	-92.13%
19	SAB	121,202	28,760	6,642	21.4%	29.3%	28.45	6.57	188,847	190,000	-27.89%
20	SBT	8,730	12,299	619	3.0%	8.0%	23.20	1.17	3,151,537	14,400	-20.06%
21	SSI	9,946	16,208	1,718	6.6%	14.4%	9.63	1.02	4,942,739	16,700	-0.55%
22	STB	22,636	15,218	1,349	0.4%	6.3%	9.31	0.82	11,581,231	12,650	21.26%
23	TCB	78,228	19,157	3,103	3.1%	25.6%	7.20	1.17	4,599,054	22,300	-3.46%
24	VCB	311,546	24,127	4,916	1.2%	20.3%	17.09	3.48	1,322,413	85,400	4.62%
25	VHM	252,635	20,763	6,554	0.0%	0.0%	11.72	3.70	5,091,415	77,500	-14.29%
26	VIC	319,978	24,003	2,208	1.6%	5.8%	42.84	3.94	1,056,316	94,500	-20.77%
27	VJC	55,894	28,564	4,339	15.1%	45.4%	24.59	3.74	398,968	106,500	-22.68%
28	VNM	225,683	17,306	6,161	28.5%	38.9%	21.04	7.49	1,708,185	129,200	8.45%
29	VPB	57,043	19,475	4,126	2.6%	24.1%	5.67	1.20	5,751,885	23,800	9.35%
30	VRE	65,216	12,214	1,058	5.6%	7.9%	27.11	2.35	3,379,752	29,100	-15.46%

(Nguồn: Fiiopro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglc@vncsi.com.vn

Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vncsi.com.vn

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vncsi.com.vn

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI

Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Website: <https://www.vncsi.com.vn>